

Hà Nội, ngày 15 ngày 03 năm 2018

BẢN TIN TUẦN

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DÂN SINH

Lưu vực sông Cà Lồ - Ngũ Huyện Khê

(Tuần từ ngày 16/03/2018 đến ngày 22/03/2018)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo lượng mưa từ ngày		
				Trung bình nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016	16/03/2018	đến ngày	22/03/2018
1	Tam Đảo	12,7	2342,2	+ 17,0	+ 19,9	+ 44,3	có mưa vừa, lượng mưa		73,4 mm
2	Vĩnh Yên	4,0	1393,8	+ 12,1	-8,3	+ 38,9	có mưa vừa, lượng mưa		30,2 mm
3	Bến Hồ	4,9	1397,9	+ 18,2	+ 27,2	+ 49,2	có mưa vừa, lượng mưa		31,1 mm
4	Đáp Cầu	1,9	1420,0	+ 18,6	+ 12,1	0,0	có mưa vừa, lượng mưa		33,6 mm
	Trung bình	5,3							

Nhận xét:

Trong tuần qua, trên toàn vùng phổ biến có mưa, và mưa tập trung tại khu vực miền núi (tổng lượng mưa tại trạm Tam Đảo xấp xỉ 13 mm). Lượng mưa tích lũy tại các trạm từ đầu vụ đến thời điểm phát bản tin đều cao hơn TBNN từ 12% tới gần 19%.

Dự báo trong tuần tới, trên toàn vùng phổ biến là có mưa. Trong 3 ngày 17-19/3 có mưa rào và dông rải rác, tập trung vào chiều tối, đêm và sáng sớm, tổng lượng mưa phổ biến từ 30-70 mm.

2. Nguồn nước trên hệ thống sông

2.1 Lượng nước đến từ thượng du

Tên trạm	Thuộc sông	Lưu lượng BQ tuần hiện tại (m ³ /s)	Lưu lượng BQ tuần tới (m ³ /s)	So sánh MNBQ tuần tới với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước đến so với TBNN
				TB nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015	
Sơn Tây	Hồng	929	1259	-23,3	-20,0	-14,6	Giảm
Thượng Cát	Đuống	405	307	+ 11,5	-18,2	-4,3	Tăng

2.2 Mực nước tại các trạm thủy văn

Tên trạm	Thuộc sông	Mực nước BQ tuần hiện tại (m)	Mực nước BQ tuần tới (m)	So sánh MNBQ tuần hiện tại với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước đến so với TBNN
				TB nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015	
Đáp Cầu	Cầu	0,55	0,44		+ 14,3	+ 64,9	
Thượng Cát	Đuống	0,67	0,47		-22,0	-6,0	

3. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

3.1. Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy điện

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
			TBNN	2017	2016		
Hồ Sơn La	6.504	115,46		118,36	118,62	Giảm	
Hồ Hòa Bình	6.062	97,76		123,84	99,18	Giảm	
Hồ Thác Bà	2.160	98,98		152,25	152,06	Giảm	
Hồ Tuyên Quang	1.699	99,12		128,18	100,18	Giảm	
Tổng/ TB	16.425	102,83		130,65	115,76		

Nhận xét:

Hiện tại, dung tích các hồ chứa thủy điện ở thượng lưu gồm Sơn La, Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang đều xấp xỉ dung tích trữ thiết kế.

Dung tích trữ hiện tại so với dung tích thiết kế trung bình đạt: 102,83%

3.2. Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

TT	Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối tuần (%)
				TBNN	2017	2016		
1	Hồ Đại Lải	25,40	64,81		34,43	0,95	Tăng	65,55
2	Hồ Xạ Hương	12,73	69,16		134,74	38,17	Tăng	70,30
3	Hồ Thanh Lanh	10,62	57,95		40,27	-2,09	Tăng	57,91
	Tổng/ TB	48,75	63,98		69,85	12,34		64,61

- Hiện tại hầu hết các hồ chứa thủy lợi trong lưu vực đều tích gần đạt mực nước thiết kế.

- Tổng dung tích 3 hồ là 48,75 triệu m³
- Lượng trữ so với dung tích thiết kế chiếm 63,98%
- Dự báo đến cuối vụ các hồ đều đảm bảo cấp đủ nước tưới

3.3. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi (cống, trạm bơm)

TT	Tên công trình	Mực nước thiết kế (m)	Mực nước BQ tuần tới (m)	Mực nước MAX tuần tới (m)	Mực nước MIN tuần tới (m)	Dự báo xu thế nguồn nước đến so với thiết kế
1	TB Bạch Hạc	5,47	4,87	5,15	4,61	Giảm
2	TB Đại Định	5,57	4,66	4,86	4,49	Giảm
3	TB Áp Bắc	2,80	0,81	1,15	0,10	Giảm
4	Cống Long Tửu	2,58	0,50	0,83	0,10	Giảm
	Trung bình	4,11	2,71	2,99	2,33	

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

Thông tin khái quát về nhu cầu nước, nguồn nước trong giai đoạn dự báo

Thông tin công trình đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất trong giai đoạn dự báo

Thông tin công trình có mức đảm bảo cấp nước thấp và khuyến cáo tích nước hồ chứa, khuyến cáo phân phối nguồn nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước

Thông tin bảng biểu kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Bảng tổng hợp nhu cầu nước

Đơn vị: $10^6 m^3$

Ngày	Hồ Đại Lải	Hồ Xạ Hương	Hồ Thanh Lanh	TB Bạch Hạc	TB Đại Định	TB Áp Bắc	Cổng Long Tửu
3/16/2018	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
3/17/2018	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,009	0,043
3/18/2018	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
3/19/2018	0,024	0,016	0,009	0,152	0,127	0,106	0,486
3/20/2018	0,015	0,010	0,006	0,092	0,077	0,000	0,000
3/21/2018	0,043	0,029	0,017	0,272	0,227	0,152	0,694
3/22/2018	0,051	0,034	0,020	0,322	0,269	0,158	0,722
Tổng	0,082	0,054	0,032	0,516	0,431	0,267	1,223

a) Với công trình là các hồ chứa

TT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2017-2018			Ghi chú
				Dung tích cuối vụ so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Hồ Đại Lải	64,81	1.800	100	64,8	1.169	
2	Hồ Xạ Hương	69,16	840	66	69,2	581	
3	Hồ Thanh Lanh	57,95	1.200	100	59,7	695	

b) Với công trình là các trạm bơm, cống tưới khu vực ít chịu ảnh hưởng thủy triều

	Tên công trình	Mức nước thiết kế (m)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo tuần tới			Ghi chú
				Mức nước so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	TB Bạch Hạc	5,47	6.400	-7,11	92,89	5.945	Thiếu nước
2	TB Đại Định	5,57	8.000	-13,73	86,27	6.901	Thiếu nước
3	TB Áp Bắc	2,80	5.200	-58,93	41,07	2.136	Thiếu nước
4	Cổng Long Tửu	2,58	27.600	-70,47	29,53	8.152	Thiếu nước

Nhận xét và khuyến cáo:

Hầu hết các công trình đều đảm bảo cấp nước.

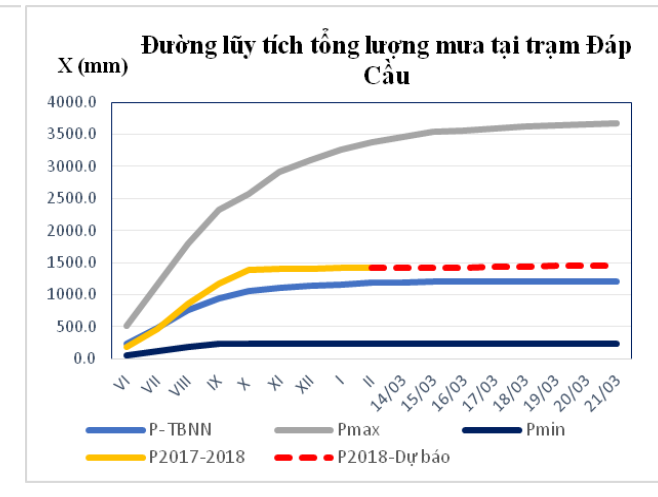
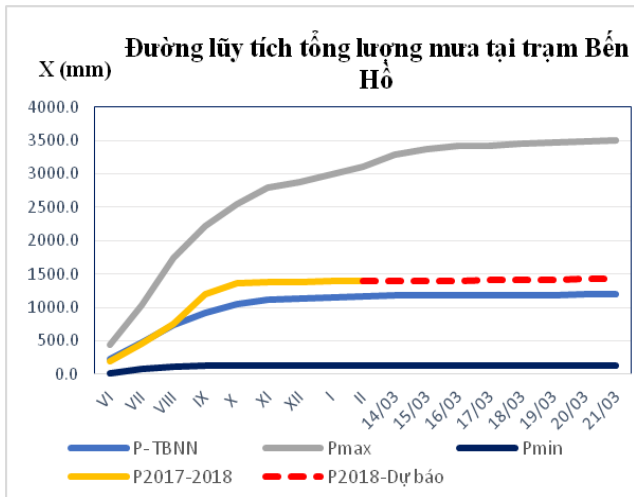
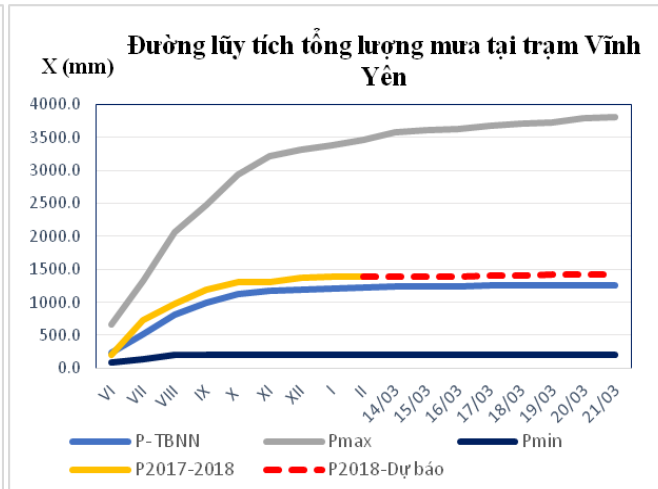
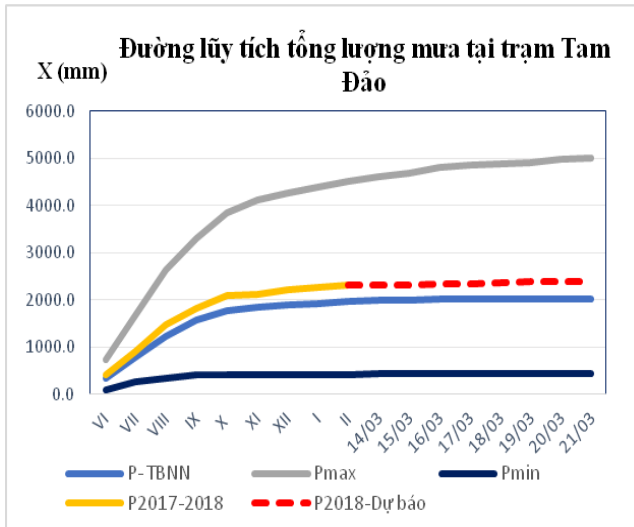
Sau thời kì xả nước của các hồ thủy điện, mực nước sông Đuống thấp, cống Long Tửu không mở lấy nước.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
1	Tam Đảo		2415,6	+ 459,7	+ 19,2	-54,5	Rủi ro hạn thấp
2	Vĩnh Yên		1423,9	+ 613,0	+ 13,3	-63,4	Rủi ro hạn thấp
3	Bến Hồ		1429,1	+ 1032,4	+ 19,8	-61,1	Rủi ro hạn thấp
4	Đáp Cầu		1453,6	+ 522,8	+ 20,2	-62,4	Rủi ro hạn thấp

Nhận xét và khuyến cáo:

Nhận xét mưa tích lũy: Từ ngày 15-21/III/2018 trên toàn vùng phổ biến có mưa, đêm và sáng có mưa nhỏ trong các ngày 15-16/III, mưa rào và dông tập trung trong 3 ngày 17-19/III. Tổng lượng mưa hiện trạng và dự báo tính tới ngày 21/III/2018 tại các trạm mưa trong lưu vực phổ biến cao hơn TBNN từ 13,3 tới hơn 20% nên khả năng lượng nước có thể cung cấp nước ngầm đảm bảo tương đương mức trung bình nhiều năm.



3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Huyện	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế
I	Tỉnh Bắc Ninh	22,923	20,114	2,808	0	0	0	0	
1	TP. Bắc Ninh	2,968	2,436	532	0	0	0	0	
2	H. Yên Phong	5,184	4,840	344	0	0	0	0	
3	H. Quế Võ	7,699	6,788	911	0	0	0	0	
4	H. Tiên Du	4,445	3,913	532	0	0	0	0	
5	TX. Từ Sơn	2,626	2,136	490	0	0	0	0	
II	Tỉnh Vĩnh Phúc	29,434	25,169	4,265	0	0	0	0	
1	TP. Vĩnh Yên	1,415	1,347	68	0	0	0	0	
2	TX. Phúc Yên	2,714	2,202	512	0	0	0	0	
3	H. Tam Dương	3,966	3,742	224	0	0	0	0	
4	H. Tam Đảo	2,961	2,445	516	0	0	0	0	
5	H. Bình Xuyên	4,760	4,337	422	0	0	0	0	
6	H. Yên Lạc	5,976	4,780	1,196	0	0	0	0	
7	H. Vĩnh Tường	7,643	6,316	1,327	0	0	0	0	
III	Hà Nội	25,981	21,400	4,581	0	0	0	0	
1	H. Sóc Sơn	10,818	9,500	1,318	0	0	0	0	
2	H. Đông Anh	7,495	6,200	1,295	0	0	0	0	
3	H. Mê Linh	6,426	5,000	1,426	0	0	0	0	
4	H. Gia Lâm	1,242	700	542	0	0	0	0	
	Cộng	78,337	66,683	11,654	0	0	0	0	

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nguồn nước phục vụ sản xuất năm bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp. Để bảo đảm sử dụng hợp lý nguồn nước, cần thực hiện các giải pháp sau.

- Không cần chuyển đổi sản xuất, tuy nhiên cần trữ nước cho thời kỳ tưới dưỡng
- Sử dụng trạm bơm dã chiến để hỗ trợ: Bạch Hạc, Đại Định...

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào 22/03/2018